MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Domesco (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch
Ông Huỳnh Trung Chánh	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tiến	Thành viên
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Phương	Thành viên
Ông Alejandro Esteban WeinsteinManieu	Thành viên
Ông Alexis Eduardo Camhi Levy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Ông Lê Văn Nhã Phương	Phó Tổng Giám đốc Công nghiệp

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Huỳnh Trung Chánh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 8 năm 2012

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 11, Phòng 1101,
Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3910 0751
Fax: +848 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 0102 /Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Domesco

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Domesco (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 28. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét và kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với báo cáo soát xét ngày 5 tháng 8 năm 2011 và báo cáo kiểm toán ngày 9 tháng 3 năm 2012 trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 và 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012. Do đó, Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo phương pháp giá gốc.

Chúng tôi cũng soát xét các bút toán điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh số 3 được áp dụng để trình bày lại báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo ý kiến của chúng tôi, các bút toán điều chỉnh này là chính xác và được áp dụng phù hợp.

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 27 tháng 8 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**508.772.097.898**	**503.495.293.310**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5	**49.146.861.609**	**62.388.417.823**
1. Tiền	111		49.146.861.609	62.388.417.823
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**238.746.758.604**	**240.950.695.387**
1. Phải thu khách hàng	131		232.470.982.404	216.025.205.487
2. Trả trước cho người bán	132		5.232.242.075	1.762.249.141
3. Các khoản phải thu khác	135		5.576.838.958	25.293.190.496
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.533.304.833)	(2.129.949.737)
III. Hàng tồn kho	**140**	6	**205.887.829.827**	**188.122.862.538**
1. Hàng tồn kho	141		205.887.829.827	188.122.862.538
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**14.990.647.858**	**12.033.317.562**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.465.923.337	4.176.904.767
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.470.775.260	1.893.672.038
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	8.053.949.261	5.962.740.757
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**305.016.466.530**	**332.394.060.169**
I. Tài sản cố định	**220**		**275.907.716.490**	**284.040.629.052**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	221.512.411.083	219.952.305.631
- Nguyên giá	222		353.388.009.912	339.234.621.357
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(131.875.598.829)	(119.282.315.726)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	37.024.072.097	37.720.670.808
- Nguyên giá	228		38.681.308.408	39.081.956.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.657.236.311)	(1.361.286.189)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	17.371.233.310	26.367.652.613
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**23.640.641.988**	**41.798.621.988**
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	9.000.000.000	8.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	20.000.000.000	33.570.200.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	626.000.000	713.780.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(5.985.358.012)	(985.358.012)
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**5.468.108.052**	**6.554.809.129**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.787.027.690	2.371.914.086
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	3.681.080.362	4.182.895.043
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**813.788.564.428**	**835.889.353.479**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011 (trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**260.713.250.746**	**270.100.511.634**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**252.215.038.512**	**256.373.444.370**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	90.292.559.490	119.689.116.911
2. Phải trả người bán	312		72.481.953.111	51.249.652.183
3. Người mua trả tiền trước	313		3.844.886.110	1.290.535.070
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	16.974.872.089	30.112.613.989
5. Phải trả người lao động	315		11.910.325.508	15.461.181.053
6. Chi phí phải trả	316		19.397.036.058	20.756.195.916
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	32.908.380.859	12.628.373.463
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.405.025.287	5.185.775.785
II. Nợ dài hạn	**330**		**8.498.212.234**	**13.727.067.264**
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	2.164.853.481	3.769.341.911
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	6.155.401.700	9.659.401.700
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		177.957.053	298.323.653
B. NGUỒN VỐN	**400**		**553.075.313.682**	**565.788.841.845**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	21	**553.075.313.682**	**565.788.841.845**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		178.093.360.000	178.093.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		229.515.239.894	229.515.239.894
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		104.146.933.812	79.760.512.313
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.809.336.000	17.809.336.000
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.510.443.976	60.610.393.638
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**813.788.564.428**	**835.889.353.479**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		117.675,08	132.346,96

Huỳnh Trung Chánh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 8 năm 2012

Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	611.891.886.212	564.956.663.088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	(42.123.773.268)	(29.535.284.468)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		569.768.112.944	535.421.378.620
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	25	(386.640.550.404)	(352.172.364.323)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		183.127.562.540	183.249.014.297
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	4.640.368.324	5.472.656.692
7. Chi phí tài chính	22	28	(10.522.184.680)	(10.286.757.543)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*(5.435.908.750)*	*(5.241.003.286)*
8. Chi phí bán hàng	24		(57.490.011.631)	(71.112.872.458)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(61.379.917.821)	(52.945.509.215)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		58.375.816.732	54.376.531.773
11. Thu nhập khác	31		658.606.004	29.712.800
12. Chi phí khác	32		(267.622.600)	-
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác	40		390.983.404	29.712.800
14. Lợi nhuận trước thuế	50		58.766.800.136	54.406.244.573
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	(15.010.862.915)	(11.106.245.121)
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	15	(501.814.681)	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		43.254.122.540	43.299.999.452
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.429	2.474

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Huỳnh Trung Chánh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 8 năm 2012

Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**58.766.800.136**	**54.406.244.573**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.047.307.554	12.056.310.066
Các khoản dự phòng	03	7.403.355.096	
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(493.020.206)	897.721.185
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(669.020.552)	(4.311.899.120)
Chi phí lãi vay	06	5.435.908.750	5.241.003.286
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**84.491.330.778**	**68.289.379.990**
Biến động các khoản phải thu	09	1.834.157.983	(36.586.761.791)
Biến động hàng tồn kho	10	(17.764.967.289)	25.574.328.419
Biến động các khoản phải trả	11	13.561.191.291	23.700.139.917
Giảm chi phí trả trước	12	2.303.977.529	856.271.078
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.187.105.024)	(5.241.003.286)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29.130.254.945)	(13.506.954.265)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(2.091.208.504)	2.769.249.683
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(13.963.694.130)	(15.850.744.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**34.053.427.689**	**50.003.905.384**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(10.639.110.667)	(6.852.668.354)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	594.991.361	1.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(500.000.000)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	13.657.980.000	7.373.098.500
5. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	327.877.936	2.187.000.632
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**3.441.738.630**	**708.430.778**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	88.014.597.639	64.397.145.435
2.Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(120.984.075.290)	(97.422.064.740)
3.Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(17.765.635.000)	(17.503.526.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(50.735.112.651)**	**(50.528.445.305)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	(13.239.946.332)	183.890.857
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**	62.388.417.823	41.392.630.785
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(1.609.882)	(72.782.273)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**49.146.861.609**	**41.503.739.369**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Tiền chi trả cổ tức trong kỳ hoạt động không bao gồm số tiền 21.414.904.200 đồng, là số cổ tức đã công bố nhưng chưa thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Huỳnh Trung Chánh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 8 năm 2012

Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400460395 ngày 30 tháng 12 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 30 tháng 12 năm 2003. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY vào ngày 4 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là DMC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.285 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.285 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm-thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc; sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012. Do đó, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

3. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 để chỉnh sửa lại các sai sót được phát hiện trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm trước đối với phần chi phí phải trả. Các số liệu so sánh dưới đây đã được điều chỉnh trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để phù hợp với trình bày báo cáo tài chính năm hiện hành:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	Trình bày năm trước VND	Trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.289.501.858	4.182.895.043	1.893.393.185
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28.219.220.804	30.112.613.989	1.893.393.185
Chi phí phải trả	11.127.146.978	20.756.195.916	9.629.048.938
Thặng dư vốn cổ phần	229.677.322.904	229.515.239.894	(162.083.010)
Lợi nhuận chưa phân phối	70.077.359.566	60.610.393.638	(9.466.965.928)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 – 25
Máy móc thiết bị	2 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Phương tiện vận tải	2 – 6
Tài sản khác	3 – 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn và phần mềm máy vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát khoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ. Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 6 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TIỀN

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	6.524.889.539	6.109.308.844
Tiền gửi ngân hàng	42.621.972.070	56.279.108.979
	49.146.861.609	**62.388.417.823**

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	62.934.380.745	56.382.794.997
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.113.105.666	10.425.314.257
Thành phẩm	78.261.299.893	64.023.293.529
Hàng hóa	51.510.438.688	57.196.411.253
Hàng gửi đi bán	68.604.835	95.048.502
	205.887.829.827	**188.122.862.538**

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	5.723.536.517	3.805.720.166
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.330.412.744	2.157.020.591
	8.053.949.261	**5.962.740.757**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	151.362.696.161	154.577.716.597	21.349.193.059	11.945.015.540	339.234.621.357
Tăng trong kỳ	-	-	535.454.545	635.099.920	1.170.554.465
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.948.175.769	1.056.808.652	693.101.727	231.730.909	15.929.817.057
Thanh lý, nhượng bán	(2.072.094.942)	-	(506.798.840)	(368.089.185)	(2.946.982.967)
Tại ngày 30/6/2012	**163.238.776.988**	**155.634.525.249**	**22.070.950.491**	**12.443.757.184**	**353.388.009.912**
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	34.895.387.140	65.768.496.915	11.294.948.218	7.323.483.453	119.282.315.726
Khấu hao trong kỳ	3.583.753.985	7.755.240.231	1.464.721.012	947.642.204	13.751.357.432
Thanh lý, nhượng bán	(283.186.304)	-	(506.798.840)	(368.089.185)	(1.158.074.329)
Tại ngày 30/6/2012	**38.195.954.821**	**73.523.737.146**	**12.252.870.390**	**7.903.036.472**	**131.875.598.829**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	**125.042.822.167**	**82.110.788.103**	**9.818.080.101**	**4.540.720.712**	**221.512.411.083**
Tại ngày 31/12/2011	**116.467.309.021**	**88.809.219.682**	**10.054.244.841**	**4.621.532.087**	**219.952.305.631**

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và máy móc thiết bị với tổng giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 33.719.367.065 VND (31 tháng 12 năm 2011: 35.437.762.187 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn từ ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 57.050.550.024 VND (tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 52.837.885.744 VND).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012	37.740.255.117	1.341.701.880	39.081.956.997
Tăng trong kỳ	147.751.411	67.200.000	214.951.411
Thanh lý, nhượng bán	(615.600.000)		(615.600.000)
Tại ngày 30/6/2012	37.272.406.528	1.408.901.880	38.681.308.408
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	717.696.498	643.589.691	1.361.286.189
Khấu hao trong kỳ	179.424.126	116.525.996	295.950.122
Tại ngày 30/6/2012	897.120.624	760.115.687	1.657.236.311
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	**36.375.285.904**	**648.786.193**	**37.024.072.097**
Tại ngày 31/12/2011	**37.022.558.619**	**698.112.189**	**37.720.670.808**

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 15.968.746.976 VND (31 tháng 12 năm 2011: 16.148.171.102 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn từ ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công trình KCN Cần Lố: Chi phí san lấp, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật	183.341.818	183.341.818
Tổng kho II - Tân Tạo	14.039.714.745	14.039.714.745
+ Quyền sử dụng đất	*12.929.673.517*	*12.929.673.517*
+ Chi phí san lấp, xây dựng, công trình phụ	*1.110.041.228*	*1.110.041.228*
Nhà máy sản xuất thuốc viên - cốm - bột	246.901.546	246.901.546
Chi nhánh Vinh	56.144.500	1.720.920.890
Hệ thống xử lý nước thải - khu công nghiệp Cần Lố	-	7.198.899.123
Đất trồng dược liệu	983.312.054	983.312.054
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu ở Gò Tháp	-	388.848.745
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu ở Tri Tôn	200.371.287	200.371.287
Nhà máy nước tinh khiết Cần Lố	146.591.576	146.591.576
Nhà máy sản xuất thuốc Nonbetalactam	235.249.091	120.844.091
Máy móc, thiết bị	151.691.800	415.966.600
Hệ thống xử lý nước thải - Trụ sở công ty	372.979.800	-
Hệ thống cấp nước tưới cây	57.059.500	-
Khác	697.875.593	721.940.138
	17.371.233.310	**26.367.652.613**

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH DOMENOL	Đồng Tháp	90%	90%	Sản xuất và kinh doanh cồn công nghiệp.

Chi tiết số vốn đã góp vào công ty con tại ngày kết thúc giai đoạn hoạt động của Công ty như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH DOMENOL	9.000.000.000	8.500.000.000

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Domenol ("Công ty con"), một công ty trách nhiệm hữu hạn có số vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng và được thành lập ở tỉnh Đồng Tháp. Số vốn góp của Công ty là 9.000.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 90% (tại ngày 31 tháng 12 năm 201 là 8.500.000.000 đồng và chiếm tỉ lệ 85%) quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con. Khoản đầu tư này được ghi nhận trên báo cáo tài chính sử dụng phương pháp giá gốc. Ban Tổng Giám đốc Công ty không tiến hành trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính này vì công ty con hiện đang quá trình hoàn việc xây dựng cơ bản chưa chính thức đi vào hoạt động.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường (VIPACO)	Bình Dương	20%	20%	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh; bán buôn bao bì, hạt nhựa các loại

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày kết thúc giai đoạn hoạt động của Công ty như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Y Dược Domedic	-	13.570.200.000
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	20.000.000.000
	20.000.000.000	**33.570.200.000**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 7 năm 2011, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc chuyển nhượng 1.350.000 cổ phần, tương ứng với số tiền là 13.570.200.000 đồng, của Công ty Cổ phần Y Dược Domedic. Việc chuyển nhượng này đã hoàn tất trong kỳ với mức giá chuyển nhượng là 11.500 đồng/cổ phần và tổng tiền thu về là 15.525.000.000 đồng. Do đó, Công ty đã phát sinh một khoản lãi là 1.954.800.000 đồng từ việc chuyển nhượng số cổ phần nói trên.

Do đó, Công ty chỉ còn nắm giữ 1.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tương ứng với 20.000.000.000 đồng) tại Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường với số tiền là 5.985.358.012 VND (31 tháng 12 năm 2011: 985.358.012 VND) dựa theo báo cáo tài chính của Công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết khoản đầu tư tài chính dài hạn khác như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	626.000.000	626.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	-	87.780.000
	626.000.000	**713.780.000**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn khác và không có khoản đầu tư nào giảm giá. Do vậy, Công ty không trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ, dụng cụ	433.035.412	654.908.686
Chi phí thuê cửa hàng, văn phòng	360.500.002	412.000.000
Chi phí sửa chữa	993.492.276	1.305.005.400
	1.787.027.690	**2.371.914.086**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong giai đoạn hoạt động.

	Chi phí phải trả VND	Dự phòng trợ cấp mất việc làm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-
Ghi tăng lợi nhuận trong năm	4.118.822.580	64.072.463	4.182.895.043
Tại ngày 1/1/2012 (trình bày lại)	4.118.822.580	64.072.463	4.182.895.043
Ghi giảm lợi nhuận trong kỳ	(437.742.218)	(64.072.463)	(501.814.681)
Tại ngày 30/6/2012	**3.681.080.362**	**-**	**3.681.080.362**

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	29.278.458.740	40.157.537.200
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	2.521.062.500	37.502.446.670
Ngân hàng TNHH HSBC Viet Nam	38.813.038.250	9.134.133.041
Công ty Cổ phần Y Dược Domedic	-	11.000.000.000
Nhân viên công ty và các cá nhân khác	12.672.000.000	14.887.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 20)	7.008.000.000	7.008.000.000
	90.292.559.490	**119.689.116.911**

Vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính khác và cán bộ công nhân viên Công ty và các cá nhân khác. Trong đó:

- Các khoản vay từ ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính là vay tín chấp trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng, với lãi suất từ 4% đến 5,3% cho khoản vay USD và từ 7% đến 12,5% cho khoản vay VND.

- Các khoản vay cán bộ công nhân viên Công ty và các cá nhân khác là vay tín chấp với thời hạn 1 năm với lãi suất từ 12,5% đến 15%.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 (trình bày lại) VND
Thuế giá trị gia tăng	4.207.725.749	2.593.786.539
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.954.471	10.270.346
Thuế xuất nhập khẩu	511.836.616	140.006.094
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.960.587.098	26.079.979.128
Thuế thu nhập cá nhân	37.525.250	1.271.731.665
Thuế tài nguyên	6.207.558	2.540.808
Các loại thuế khác	244.035.347	14.299.409
	16.974.872.089	**30.112.613.989**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	3.980.641.544	3.893.316.515
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.205.681.550	3.858.422.750
Cổ tức	21.414.904.200	33.160.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.826.083	104.530.325
Sở Y Tế Lâm Đồng /Chuyển nhầm tài khoản	302.947.785	302.947.785
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	7.000.000
Đại học Y Dược	6.000.000	6.000.000
Xử phạt vi phạm hành chính về thuế	-	2.063.811.529
Bộ Công Thương /Hoàn trả kinh phí của Dự án hoàn thiện quy trình chiết xuất piperin	2.643.605.273	1.181.415.000
Sở Khoa học Công nghệ Đồng Tháp /Phần kinh phí còn lại của Dự án nấm Thái Dương	70.201.871	71.545.189
Phần còn lại của khoản trích 2% lợi nhuận sau thuế	2.136.291.339	1.106.224.370
Phải trả phải nộp khác	146.281.214	-
	32.908.380.859	**12.628.373.463**

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	2.164.853.481	2.296.001.911
Hoàn trả kinh phí cho Bộ Công thương cho Dự án hoàn thiện quy trình chiết xuất piperin	-	1.473.340.000
	2.164.853.481	**3.769.341.911**

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	6.155.401.700	9.659.401.700
	6.155.401.700	**9.659.401.700**

Vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 thể hiện các khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đồng Tháp với hạn mức 28,537 tỷ đồng trong thời hạn 5 năm (từ tháng 6 năm 2009). Lãi suất cho khoản vay là 6,9%/năm và được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này (xem các thuyết minh số 8 và 9).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	7.008.000.000	7.008.000.000
Trong năm thứ hai	6.155.401.700	7.008.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	2.651.401.700
	13.163.401.700	**16.667.401.700**
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(7.008.000.000)	(7.008.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	**6.155.401.700**	**9.659.401.700**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần được phép phát hành	17.809.336	17.809.336
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.809.336	17.809.336
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 31/12/2011 và 30/6/2012		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2011 và 30/6/2012
	Cổ phiếu	%	VND
CFR International Spa	8.181.020	45,94%	81.810.200.000
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	6.181.778	34,71%	61.817.780.000
Cổ đông khác	3.446.538	19.35%	34.465.380.000
	17.809.336	**100%**	**178.093.360.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 1/1/2011	178.093.360.000	229,275,000,000	(15.737.386.415)	58.236.641.879	14.225.821.980	82.398.446.526	546.491.883.970
Bán cổ phiếu quỹ	-	240,239,894	15.737.386.415	-	-		15.977.626.309
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	70.636.382.513	70.636.382.513
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(2.008.039.654)	(2.008.039.654)
Phân phối quỹ	-	-	-	25.076.233.667	3.583.514.020	(28.659.747.687)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.421.995.400)	(16.421.995.400)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(38.507.741.800)	(38.507.741.800)
Chi đào tạo	-	-	-	(3.552.363.233)	-	-	(3.552.363.233)
Quỹ khác	-	-	-	-	-	(6.826.910.860)	(6.826.910.860)
Tại 31/12/2011 (trình bày lại)	**178.093.360.000**	**229.515.239.894**	**-**	**79.760.512.313**	**17.809.336.000**	**60.610.393.638**	**565.788.841.845**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	43.254.122.540	43.254.122.540
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(350.724.000)	(350.724.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	26.185.550.051	-	(26.185.550.051)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.035.192.221)	(13.035.192.221)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(39.180.539.200)	(39.180.539.200)
Chi đào tạo	-	-	-	(1.799.128.552)	-	-	(1.799.128.552)
Quỹ khác	-	-	-	-	-	(1.602.066.730)	(1.602.066.730)
Tại 30/6/2012	**178.093.360.000**	**229.515.239.894**	**-**	**104.146.933.812**	**17.809.336.000**	**23.510.443.976**	**553.075.313.682**

Theo Nghị quyết số Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHCĐ-DMC thông qua ngày 6 tháng 4 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011, cụ thể:

- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi là 11.535.192.221 đồng.
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển là là 26.185.550.051 đồng.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát 1.600.000.000 đồng.
- Trích quỹ tạo nguồn chi trả cho các khoản chi phí liên quan 1.602.066.969 đồng.
- Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 39.180.539.200 đồng.

Trong kỳ, Công ty cũng chưa thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt của năm 2011 đã được phê duyệt với số tiền là 21.414.904.200 đồng và Công ty đang ghi nhận trên khoản mục phải trả khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

23. DOANH THU GỘP BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa	173.806.591.192	163.506.752.461
Doanh thu sản xuất thuốc	434.147.733.936	398.884.312.319
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	1.495.832.903	1.148.399.333
Doanh thu sản xuất rượu	215.100.598	231.938.209
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.226.627.583	1.185.260.766
	611.891.886.212	**564.956.663.088**

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chiết khấu thương mại	40.889.686.235	28.869.942.676
Hàng bán bị trả lại	1.167.962.989	593.351.363
Thuế tiêu thụ đặc biệt	66.124.044	71.990.429
	42.123.773.268	**29.535.284.468**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Giá vốn bán hàng hóa	155.503.088.965	146.021.401.182
Giá vốn sản xuất thuốc	230.084.516.348	205.258.252.619
Giá vốn sản xuất nước tinh khiết	891.147.332	690.150.811
Giá vốn sản xuất rượu	161.797.759	202.559.711
	386.640.550.404	**352.172.364.323**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí nguyên liệu. vật liệu	217.224.441.518	169.039.602.348
Chi phí nhân công	52.982.403.500	50.950.993.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.047.307.554	12.056.310.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.311.469.382	75.331.912.133
Chi phí khác	17.769.793.806	14.408.512.629
	368.335.415.760	**321.787.330.873**

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	327.877.936	551.826.632
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	1.635.174.000
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	2.046.480.000	2.123.898.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	631.920.244	1.153.024.382
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	493.020.206	-
Chiết khấu	1.125.773.538	5.095.108
Khác	15.296.400	3.638.070
	4.640.368.324	**5.472.656.692**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền vay	5.435.908.750	5.241.003.286
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	79.238.248	895.542.620
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.252.281.948
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	897.721.185
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.000.000.000	-
Khác	7.037.682	208.504
	10.522.184.680	**10.286.757.543**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Hoạt động sản xuất VND	Hoạt động khác VND	**Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND**	**Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND**
Lợi nhuận trước thuế	64.055.587.137	(5.288.787.001)	**58.766.800.136**	**54.406.244.573**
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-	-	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	16.287.514.440	-	**16.287.514.440**	-
Thu nhập chịu thuế /(Lỗ) tính thuế	80.343.101.577	(5.288.787.001)	**75.054.314.576**	**54.406.244.573**
Cấn trừ	(5.288.787.001)	5.288.787.001	-	-
Thu nhập tính thuế sau khi cấn trừ	**75.054.314.576**	-	**75.054.314.576**	-
Thuế suất hiện hành	20%	25%	-	**20%**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**15.010.862.915**	-	**15.010.862.915**	**11.106.245.121**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2004, cho hoạt động sản xuất thuốc. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất 25% cho các hoạt động kinh doanh khác.

Trong kỳ tính thuế 6 tháng đầu năm 2012, hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập chịu thuế và hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế bị lỗ nên doanh nghiệp đã bù trừ số lỗ của hoạt động kinh doanh khác với số tiền là 5.288.787.001 đồng vào thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	30/06/2012 VND	30/6/2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	43.254.122.540	43.299.999.452
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	17.809.336	17.503.519
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.429**	**2.474**

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	795.391.593	702.458.719

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	655.913.636	762.080.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	503.181.818	945.683.333
	1.159.095.455	**1.707.763.333**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng và nhà thuốc cho các đại lý bán hàng. Các hợp đồng thuê khác được ký kết từ 6 tháng đến 5 năm.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị vàcơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	**31/12/2011**
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.146.861.609	62.388.417.823
Phải thu khách hàng và phải thu khác	238.047.821.362	241.318.395.983
Ký quỹ, ký cược	2.330.412.744	2.157.020.591
Đầu tư dài hạn khác	626.000.000	713.780.000
Tổng cộng	**290.151.095.715**	**306.577.614.397**
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	90.292.559.490	119.689.116.911
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	105.390.333.970	63.878.025.646
Chi phí phải trả	19.397.036.058	20.756.195.916
Vay và nợ dài hạn	6.155.401.700	9.659.401.700
Tổng cộng	**221.235.331.218**	**213.982.740.173**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. theo đó. Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012	31/12/2011	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	46.775.104.344	32.116.962.488	3.742.808.455	5.164.277.299
Đồng Euro (EUR)	3.871.447.686	2.508.651.127	-	345.412.500
Yên Nhật (JPY)	-	882.560.000	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt. các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi. số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 30/06/2012	**Dưới 1 năm**	**Từ 1- 5 năm**	**Tổng**
	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	90.292.559.490		90.292.559.490
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	105.390.333.970	-	105.390.333.970
Chi phí phải trả	19.397.036.058	-	19.397.036.058
Vay và nợ dài hạn	-	6.155.401.700	6.155.401.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2011	**Dưới 1 năm** VND	**Từ 1- 5 năm** VND	**Tổng** VND
Vay và nợ ngắn hạn	119.689.116.911		119.689.116.911
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	63.878.025.646	-	63.878.025.646
Chi phí phải trả	20.756.195.916	-	20.756.195.916
Vay và nợ dài hạn	-	9.659.401.700	9.659.401.700

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 30/06/2012	**Dưới 1 năm** VND	**Từ 1- 5 năm** VND	**Tổng** VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.146.861.609	-	49.146.861.609
Phải thu khách hàng và phải thu khác	238.047.821.362	-	238.047.821.362
Ký quỹ, ký cược	2.330.412.744	-	2.330.412.744
Đầu tư dài hạn		626.000.000	626.000.000

Tại ngày 31/12/2011	**Dưới 1 năm** VND	**Từ 1- 5 năm** VND	**Tổng** VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.388.417.823		62.388.417.823
Phải thu khách hàng và phải thu khác	241.318.395.983	-	241.318.395.983
Ký quỹ, ký cược	2.157.020.591	-	2.157.020.591
Đầu tư dài hạn		713.780.000	713.780.000

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Công ty TNHH Domenol		
Góp vốn	500.000.000	2.000.000.000
Chi hộ chi phí hoạt động	32.255.000	-
Mua hàng	843.510.000	-
Cho vay	900.000.000	-
Lãi vay	46.378.954	-
Hàng mua trả lại	8.910.000	-
Công ty Cổ phần Y Dược Domedic		
Thoái vốn	13.570. 200.000	-
Chi hộ chi phí hoạt động	-	136.890.688
Bán hàng	-	403.367.555
Lãi vay	-	1.716.822.220
Trả gốc vay	11.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) — **MẪU B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua hàng	42.173.834	414.378.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.732.952.362	1.405.035.940

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc giai đoạn hoạt động như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vốn góp		
Công ty TNHH Domenol	9.000.000.000	8.500.000.000
Công ty Cổ phần Y Dược Domedic	-	13.570.200.000
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu khác		
Công ty TNHH Domenol	204.053.922	171.798.922
Ban Tổng Giám đốc	360.000.000	360.000.000
Phải trả		
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	46.391.217	-
Công ty TNHH Domenol	40.799.000	-
Vay		
Công ty Cổ phần Y dược Domedic	-	11.000.000.000
Cho vay		
Công ty TNHH Domenol	900.000.000	-

34. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 27 tháng 8 năm 2012.

Huỳnh Trung Chánh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 8 năm 2012

Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng